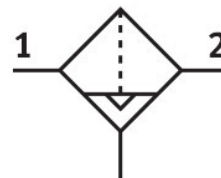


**Bộ lọc**  
**LF-1/2-D-MAXI-A**  
 Số bộ phận: 186465

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Maxi                                            |
| Dòng                                                       | D                                               |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                      |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 40 µm                                           |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | hoàn toàn tự động                               |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ lọc thiêu kết với máy tách ly tâm            |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giỏ bảo vệ kim loại                             |
| Áp suất vận hành                                           | 2 bar...12 bar                                  |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 4400 l/ph                                       |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:9:-]<br>Khí trơ |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                               |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                  |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:4]<br>Khí trơ |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 5 °C...60 °C                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 5 °C...60 °C                                    |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 1340 g                                          |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện               |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/2                                            |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1/2                                            |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                   |
| Vật liệu bộ lọc                                            | PE                                              |
| Vật liệu vỏ                                                | Kém đúc áp lực<br>PC                            |